TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI C NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 57/2022/DS-PT Ngày: 28-7-2022 V/v: Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất và Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI C NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Th1 phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - C tọa phiên tòa: Ông Mai Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Cảnh

Bà Vũ Thị Thu

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Mạnh Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2022/TLPT-DS ngày 25 tháng 5 năm 2022 về việc "Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất và Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Nam Định bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 78/2022/QĐXXPT-DS ngày 01 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn C , sinh năm 1955;

Bị đơn: Ông Đặng Văn Q, sinh năm 1961;

Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1963

Anh Đặng Văn G, sinh năm 1987

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Ngô Thị M, sinh năm 1959

Người kháng cáo: Ông Đặng Văn Q, sinh năm 1961;

Đều có địa chỉ: Xóm 11 xã H, huyện G, tỉnh Nam Định.

Bà Ngô Thị M ủy quyền cho ông Phạm Văn C tham gia tố tụng; bà Đỗ Thị N, anh Đặng Văn G ủy quyền cho ông Đặng Văn Q tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa: Ông C , ông Q, bà N, anh G có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04- 3- 2021, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Văn C trình bày: Năm 1979, ông được chính quyền địa phương xã H cấp cho một thổ đất để ở. Thổ đất này trước kia là của ông T đã bỏ về quê xã G1 ở không sử dụng nữa. Thổ đất của ông được cấp đã có tên tại bản đồ địa chính lập năm 1987, tờ số 08 thửa số 203. Vị trí địa lý phía Đông và phía Bắc giáp ruộng hai lúa, phía Tây giáp ngõ đi chung, phía Nam giáp thổ ông Trinh Văn H1 và ông Đặng Ngọc Đ, thổ đất ông H1 , ông Đ cũng đã có tên trên bản đồ địa chính năm 1987. Tháng 3-2008, khi ông đi làm xa vắng nhà, gia đình ông Đặng Văn Q là con trai ông Đ đã đập phá tháo dỡ một đoạn tường rào xây ngăn cách ranh giới khoảng 15m mà ông Đ đã xây từ lâu để lấn chiếm của ông khoảng 100m^2 đất thổ cư và đổ tảng gạch vỡ sang đất và ao nhà ông khoảng 3m^3, đặt một giếng sang đất nhà ông và cấy khóm tre hóa đoạn giữa ngõ đi chung và đất nhà ông. Gia đình ông Q đào hết số đất của nhà ông giáp ngõ đi chung Th1 một cái hủng thông sang ao nhà ông và hạ một cống bi cho nước ra vào tự nhiên vào ao nhà ông làm gia đình ông không thả được cá làm ảnh hưởng đến kinh tế. Ông khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện G giải quyết: Buộc ông Q bà N trả lại gia đình ông 85m^2 đất thổ cư; Phải di dời công trình xây dựng và cây cối đã trồng trên đất nhà ông; Buộc ông Q bà N và anh G bồi thường số đất đã đào của nhà ông khoảng 70m^3 trị giá 150.000đ/1m^3 bằng 10.500.000đ; nạo vét toàn bộ số gạch đã đổ xuống ao nhà ông và bồi thường thiệt hại 6 năm ông không thả được cá mỗi năm 15.000.000đ x 6 = 90.000.000đ.

Tại bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Đăng Văn Q trình bày như sau: Bố ông là Đặng Ngọc Đ (đã chết năm 2000), mẹ ông là Lê Thị Th; bố mẹ ông có một thổ đất tại xóm 11 xã H huyện G tỉnh Nam Định, đã chia cho 4 người con trai là ông (Đặng Văn Q), Đặng Văn Th1, Đặng Văn Th2, Đặng Văn Th3. Năm 1988 thổ đất của ông được chia có diện tích 872m^2, trong đó có 300m^2 đất ở, còn lại là đất vườn và đất ao. Hiện nay ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng UBND xã H chưa giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông vì ông C đang kiện tranh chấp đất. Đất thổ cư nhà ông cách đất thổ cư nhà ông C khoảng 50m nên gia đình ông không lấn đất nhà ông C được.

Ông C khai cho ông, cùng vợ con ông là ông là bà N và anh G đã đào khoảng 70m^3 đất của nhà ông C đổ đi chỗ khác, ông không nhất trí vì ao nhà ông C giáp với nổi nhà ông. Ngày 13-5-2018, ông C thuê máy hút bùn về hút bùn ao của nhà ông C đã làm nứt công trình phụ nhà ông và nở đất làm mốc chỉ giới đê điều tụt xuống ao nhà ông C .

Ông C yêu cầu vợ chồng ông phải nạo vét toàn bộ số gạch vỡ đổ xuống ao nhà ông C , ông không nhất trí vì giáp ao nhà ông C và ngôi nhà 2 tầng của ông trước kia có ngõ đi chung của nhà ông Đ và ông H1 , trên ngõ có gạch nhà ông H1 để tôn tạo ngõ đi và một số gạch nhà ông đổ trên ngõ đi. Vì ngõ giáp với ao nhà ông C , khi ông C thuê máy hút bùn đã làm nở đất ngõ và tụt xuống ao.

Ông C yêu cầu ông phải di dời công trình xây dựng và cây cối của gia đình ông, ông không nhất trí vì công trình xây dựng và cây cối đều nằm trên đất nhà ông, đặc biệt là khóm tre do bố ông trồng đã lâu trên đất của bố ông nay là đất của ông.

Ông C yêu cầu vợ chồng ông và anh G phải bồi thường 6 năm ông C không thả được cá mỗi năm thiệt hại 15.000.000đ, tổng là 90.000.000đ, ông không nhất trí. Vì ông C hút bùn ao dẫn đến bị nở bờ ao là ngõ đi chung xuống ao, ông không làm thiệt hại gì đến việc ông C nuôi cá.

Tại các văn bản có trong hồ sơ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị M nhất trí với ý kiến của ông C ; bà Đỗ Thị N, anh Đặng Văn G nhất trí với ý kiến của ông Q.

Quá trình xem xét thẩm định và định giá tài sản như sau:

1. Đối với đất ông C đang sử dụng: Phía Bắc giáp mương dài 23,6m; Phía Đông Nam gồm 3 đoạn: Đoạn 1 dài 30m, đoạn 2 dài 18,2m, đoạn 3 dài 8,5m; Phía Nam gồm 3 đoạn: Đoạn 1 dài 25,4m, đoạn 2 dài 3,5m, đoạn 3 dài 1,6m; Phía bắc giáp ruộng lúa dài 57,3m; Phần diện tích đất hai lúa nằm trong thổ cư có diện tích 190m^2 . Tổng diện tích: 1703m^2

2. Đối với đất ông Q đang sử dụng: Phía Bắc giáp thổ ông Th1 dài 25,7m; Phía Đông Nam dài 13,9m; Phía Nam gồm 5 đoạn: Đoạn 1 dài 23,4m, đoạn 2 dài 10m, đoạn 3 dài 4,6m, đoạn 4 dài 5m, đoạn 5 dài 10,1m; Phía Tây Bắc gồm 2 đoạn: Đoạn 1 dài 25,4m, đoạn 2 dài 8,5m; Tổng diện tích: 622m^2.

Về giá đất tại khu vực tranh chấp đều là đất ao, đất vườn theo giá thị trường là 150.000đ/1m^2.

3. Về công trình xây dựng trên đất tranh chấp (thuộc sở hữu của gia đình ông Q) gồm: Tường rào xây năm 1986 bằng gạch nung dài 07m, cao 1,2m, diện tích 8,2m^2 (giá 830.000đ); Sân bê tông diện tích 63m^2 (giá 720.000đ); Bờ ao xây gạch dài 5m, cao 1,5m diện tích 7,5m^2 (giá 282.000đ); Giếng nước đường kính dưới 2m (giá 602.000đ).

4. Về cây trên đất tranh chấp:

4.1. Cây của nhà ông C : 01 cây Gạo cao 7m đường kính 1,2m (giá 250.000đ); 03 cây Sung: Cây thứ nhất cao 06m đường kính 0,3m (giá 180.000đ), cây thứ hai cao 06 m đường kính 0,4m (giá 120.000đ), cây thứ 3 cao 2m đường kính 01m (giá 250.000đ); 01 cây Si cao 04m đường kính 0,5m (giá 130.000đ); Bụi tre dây 35 cây (giá 210.000đ).

4.2. Cây nhà ông Q: 01 cây Khế cao 4m đường kính 0,4m (giá 180.000đ); 02 cây Sưa: 1 cây cao 6m đường kính 0,4m (giá 500.000đ), cây còn lại cao 4m đường kính 0,4m (giá 400.000đ); Bờ tre 45 cây (giá 810.000đ); 02 cây vối: 1 cây cao 1,2m đường kính 0,8m (giá 170.000đ); cây còn lại cao 4m đường kính 0,4m (giá 130.000đ).

Biên bản xác M tại UBND xã H cung cấp như sau:

Tại bản đồ địa chính lập năm 1987 (bản đồ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt có giá trị pháp lý): thửa đất số 230, tờ bản đồ số 8 thì đất của ông C có diện tích 1596m^2 (trong đó đất thổ 260m^2, đất trồng cây 976m^2, ao 360m^2); Đất của ông Đặng Ngọc Đ có diện tích 1527m2 (trong đó đất thổ 360m^2, đất trồng cây 777m^2, ao 290m^2).

Tại bản đồ lập năm 1992 (bản đồ này chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt): đất ông C gồm 3 thửa là: thửa số 199 diện tích 721m^2 (đất ở 200m^2, đất trồng cây lâu năm 521m^2); thửa số 198 diện tích 108m^2 (là ao); thửa số 200 diện tích 810m^2 (là ao). Tổng diện tích 1639m^2 (tăng 43m^2 so với bản đồ lập năm 1987). Đất của ông Đ gồm 3 thửa: thửa số 201 diện tích 1456m^2, thửa số 202 diện tích 516m^2, thửa số 203 diện tích 503m^2; Tổng diện tích là 2475m^2 (tăng 948m^2 so với bản đồ lập năm 1987).

Tại bản đồ lập năm 2006 (bản đồ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt có giá trị pháp lý): Do có tranh chấp đất giữa nhà ông H1 với nhà ông C nên đất của ông H1 và ông C thuộc thửa số 1 có tổng diện tích 3451m^2. Đất của ông Đ tách Th1 4 thửa cho 4 con: ông Q thửa số 4 diện tích 568m^2 (đất ở 391m^2, đất trồng cây lâu năm 68m^2, ao 109m^2); ông Th1 thửa số 3 diện tích 652m^2 (đất ở 295m^2, đất trồng cây lâu năm 220m^2, ao 137m^2); ông Th3 (tức Quân) thửa số 2 diện tích 886m^2 (đất ở 325m^2, đất trồng cây lâu năm 242m^2, ao 319m^2); ông Th2 thửa số 5 diện tích 816m^2 (đất ở 271m^2, đất trồng cây lâu năm 313m^2, ao 232m^2). Tổng diện tích đất ông Đ là 2922m^2 (tăng 1392m^2) so với diện tích tại bản đồ năm 1987.

Việc có sự biến động về diện tích (đều tăng) như trên là do các gia đình đã tự lấn ra đất ruộng, đất làn sông (thuộc UBND xã quản lý) từ nhiều năm trước, nay đã được thể hiện trên bản đồ địa chính năm 2006.

Đất của ông Đ tách cho 4 người con, ông Th1 và ông Th3 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn ông Q, ông Th2 chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về ngõ đi chung giữa nhà ông C , ông Định, ông H1 gồm 2 đoạn: Đoạn 1: tính từ dốc đê sông Hồng xuống đến giáp đất ông Đ thuộc quyền quản lý của UBND xã H. Ranh giới ngõ với đất của ông C : Mốc ngoài tính từ cây Gạo thứ nhất (hiện nay cây Gạo không còn mà thay vào đó là trụ cổng phía trong của nhà ông C), mốc trong là cây Gạo thứ hai của ông C . Nối 2 mốc là ranh giới giữa đất nhà ông C với đoạn ngoài ngõ đi chung; Đoạn 2: tính từ giáp đất nhà ông C , nhà

ông Đ vào phía đất nhà ông H1 ; Trước kia giữa ông H1 và ông C có xảy ra tranh chấp. Sau này ông H1 mở ngõ đi khác, nay đoạn ngõ này thuộc quyền quản lý sử dụng của ông C .

Việc tranh chấp ngõ đi giữa ông H1 với ông C đã được UBND huyện G giải quyết tại quyết định số 447/QĐ-UB ngày 17-11-1997.

Từ nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS-ST ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Nam Định đã quyết định: Căn cứ vào Điều 203 Luật đất đai; các Điều 175, 176 Bộ luật dân sự; Điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn C về việc: Buộc ông Đặng Văn Q, bà Đỗ Thị N, anh Đặng Văn G bồi thường số đất đã đào của nhà ông khoảng 70m^3; nạo vét toàn bộ số gạch đã đổ xuống ao và bồi thường thiệt hại 6 năm không nuôi được cá bằng 90.000.000đ.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn C về "tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất", cụ thể như sau: Xác định ranh giới quyền sử dụng đất của vợ chồng ông C bà M với đất của chồng ông Q bà N là các đoạn thẳng nối từ các điểm sau: Đoạn 1 từ điểm số 4 đến điểm A dài 11,7m; đoạn 2 từ điểm A đến điểm D dài 3,8m; đoạn 3 từ điểm D đến điểm 11 dài 17,8m; Buộc vợ chồng ông Q bà N phải trả lại vợ chồng ông C bà M diện tích bao bọc bởi các đoạn thẳng nối từ điểm: 4- A; A-D; D-11; 11-15; 15-4 là 53m^2. (có sơ đồ kèm theo bản án).

Buộc vợ chồng ông Q bà N phải tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu của mình ra khỏi phần diện tích đất trên thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông C bà M, để trả lại đất cho ông C bà M.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 26/4/2022, ông Đặng Văn Q làm đơn kháng cáo với nội dung: Tôi không chấp nhận Tòa án xác định ranh giới đất giữa hai gia đình. Tôi yêu cầu Tòa án xét xử lại. Tôi xin nộp bản phô tô giấy tờ liên quan ông Phạm Văn C hút bùn năm 2019 cho nên nhà tôi mới bị sạt lở đất. Ngoài ra, ông Q không cung cấp tài liệu, chứng cứ và đề nghị gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 01 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí phúc thẩm theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Đặng Văn Q có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận. Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Đặng Văn Q:

Nguồn gốc đất của ông Phạm Văn C là của ông T, ông T đã về xã G1 ở không còn nhu cầu sử dụng nên bỏ hoang. Năm 1979, UBND xã H đã cấp cho ông C , ông C đã được thể hiện trên bản đồ địa chính năm 1987, tờ bản đồ số 8 thửa số 230, diện tích 1569m^2 .

Nguồn gốc đất của ông Đặng Văn Q là của ông Định(bố ông Q) chia cho diện tích 568 m2 . Ông Q đã được thể hiện trên bản đồ địa chính năm 2006 thửa số 4 tờ bản đồ số 14. Qua thẩm định và đo đạc thực tế thì hiện tại ông Q đang sử dụng 622m^2 (dư 54m^2) . Hiện tại ông Q đang sử dụng cả diện tích đất đoạn ngoài của ngõ đi chung (từ cột cổng trong của ông C đến cây gạo) mà quyết định số 447/QĐ-UB ngày 17-11-1997 của UBND huyện G giải quyết tranh chấp đất ngõ đi giữa ông H1 với ông C . Đoạn ngõ đi chung này sau khi ông H1 mở ngõ đi lối khác thì đã thuộc về quyền sử dụng của ông C , đoạn ngõ này thể hiện trên bản đồ năm 2006 thuộc đất của ông C .

Về diện tích đất tranh chấp nằm trong diện tích đất của đoạn ngõ trong của ngõ đi chung. Đoạn ngõ này tính từ cây Gạo chạy dọc theo hướng Bắc về thổ đất của ông H1 . Dọc theo đoạn ngõ này nhà ông Đ đã xây tường rào ngăn cách ranh giới giữa đất của ông Đ với ngõ. Sau khi ông H1 không sử dụng, ngõ thuộc đất của ông C . Do vậy xác định ranh giới tại khu vực này giữa nhà ông C và nhà ông Q là bức tường đã xây ngăn cách. Từ những nhận định trên, xác định ranh giới đất giữa nhà ông C với nhà ông Q như sau: Lấy 1 điểm sát bức tường xây ngăn cách của ông Q cách cây Gạo 8,5m về phía Bắc (điểm số 4 trên bản đồ hiện trạng đã đo vẽ), từ điểm số 4 kéo đường thẳng áp sát bức tường xây của nhà ông Q về phía Nam dài 11,7m lấy 1 điểm (điểm A). Từ điểm số 11 trên bản đồ đo vẽ (điểm 11 cách cột cổng trong của ông C 5,1m là vị trí ông C nhận mốc giới giữa đất ông C với đất ông Q) kẻ đường thẳng vuông góc với đoạn thẳng kẻ từ điểm 4 đến A lấy 1 điểm (điểm C), điểm C cách điểm A là 1m. Từ điểm A kẻ đoạn thẳng dài 3,8m cắt đoạn thẳng kẻ từ điểm 11đến điểm C ở 1 điểm (điểm D). Xác định ranh giới đất nhà ông C với đất nhà ông Q là các đoạn thẳng sau: Đoạn 1 từ điểm số 4 đến điểm A dài 11,7m; đoạn 2 từ điểm A đến điểm D dài 3,8m; đoạn 3 từ điểm D đến điểm 11 dài 17,8m. Diện tích bao bọc bởi các đoạn thẳng: từ 4-A; A-D; D-11; 11-15; 15-4 là 53m^2, mà ông Q đang quản lý nay thuộc quyền sử dụng của ông C . Buộc vợ chồng ông Q bà N phải tháo dỡ công trình xây dựng và di chuyển cây ra khỏi đất thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông C bà M.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, ông Q có nộp cho Tòa án đơn đề nghị của ông Phạm Hồng Thịnh là xóm trưởng xóm 11, xã H. Nội dung ông Thịnh đề nghị là ông C tố cáo sai sự thật, ông đã công tác tại cơ sở 42 năm nên nắm bắt được toàn bộ hoạt động của nhân dân, đề nghị Tòa án về cơ sở để xem xét va chạm tranh chấp giữa hai gia đình. HĐXX, xác định đây không phải là căn cứ để xác định nguồn gốc đất và ranh giới quyền sử dụng đất giữa ông C và ông Q nên không có cơ sở chấp nhận; Tại biên bản làm việc ngày 07/6/2022 và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Q xác nhận việc đối chiếu bản đồ năm 2006 và sơ đồ hiện trạng năm 2021 thì vị trí thửa đất của ông Q trên bản đồ là chính xác, diện tích đất nhà ông Q không bị thiếu. Ông Q không đồng ý trả lại 53 m2 đất cho vợ chồng ông C và bà M. Lý do, ông Q xác định diện tích 53 m2 là ngõ đi chung giữa cụ Đặng Ngọc Đ (là bố ông Q) và ông Trịnh Văn H1 . Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định ngõ đi chung thuộc quyền sử dụng của ông C là không chính xác. Ông Q xác định ranh giới với nhà ông C là từ mép trong của cây Gạo (phần giáp nhà ông Q) nối với mốc chỉ giới đê điều và kéo Th3 ra ngõ đi chung.

Như vậy, ông Q xác nhận diện tích đất nhà ông không thiếu. Bản đồ địa chính năm 2006 và sơ đồ đo đạc hiện trạng năm 2011 thì vị trí thửa đất của gia đình ông Q là chính xác. Việc tranh chấp ngõ đi giữa ông H1 với ông C đã được giải quyết theo Quyết định số 447/QĐ-UB ngày 17-11-1997 của UBND huyện G. Tại phiên tòa, ông Q không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào khác về nguồn gốc và ranh giới đất giữa gia đình ông và gia đình ông C . HĐXX, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Q. Từ nhận định nêu trên, HĐXX quyết định không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

[3] Về án phí: Ông Đặn Văn Q là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ vào Điều 203 Luật đất đai; các Điều 175, 176 Bộ luật dân sự; Điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Văn Q, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn C về việc: "Buộc ông Đặng Văn Q, bà Đỗ Thị N, anh Đặng Văn G bồi thường số đất đã đào của nhà

ông khoảng 70m^3; nạo vét toàn bộ số gạch đã đổ xuống ao và bồi thường thiệt hại 6 năm không nuôi được cá bằng 90.000.000đ".

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn C về "Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất". Cụ thể như sau:

Xác định ranh giới quyền sử dụng đất của vợ chồng ông C bà M với đất của chồng ông Q bà N là các đoạn thẳng nối từ các điểm sau: Đoạn 1 từ điểm số 4 đến điểm A dài 11,7m; đoạn 2 từ điểm A đến điểm D dài 3,8m; đoạn 3 từ điểm D đến điểm 11 dài 17,8m. Buộc vợ chồng ông Q bà N phải trả lại vợ chồng ông C bà M diện tích bao bọc bởi các đoạn thẳng nối từ điểm: 4-A; A-D; D-11; 11-15; 15-4 là 53m^2. (Có sơ đồ kèm theo bản án).

Trường hợp phần diện tích đất giao cho vợ chồng ông C mà trên đất có những tài sản của vợ chồng ông Q thì vợ chồng ông Q phải có trách nhiệm di dời để trả lại đất cho vợ chồng ông C .

4. Về án phí: Ông Đặng Văn Q được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - C TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND-TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

Mai Anh Tuấn